

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 05/6/2020

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Minh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Túy Phụng
2. Bà Lê Thị Thiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 35/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2020 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Tuyết A, sinh năm 1982- Vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hùng E, sinh năm 1982- Vắng mặt.

Cùng thường trú tại: 59 khu phố T, phường T, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn – bà Bùi Thị Tuyết A trình bày:*

Bà Bùi Thị Tuyết Ánh và ông Nguyễn Hùng E chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 288/2003, quyền số 02, ngày 20/10/2003.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Minh D, sinh ngày 31/10/2002 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 07/10/2007.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, tuy nhiên trong quá trình chung sống hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau bất đồng trong cuộc sống dẫn đến cuộc sống không hòa hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, ngoài ra ông E còn có mối quan hệ bất chính bên ngoài làm cho hai

vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hay cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn nên bà A khởi kiện yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hùng E.

Về con chung: Sau khi ly hôn, bà A yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Nguyễn Minh D sinh ngày 31/10/2002 và Nguyễn Minh H sinh ngày 07/10/2007.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng ông E đều vắng mặt. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với việc xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do, không đến tham gia phiên tòa xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của nguyên đơn

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Bùi Thị Tuyết A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Hùng E và yêu cầu được nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn – ông Nguyễn Hùng E có nơi cư trú tại khu phố T, phường T, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương vì vậy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương là Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

[3] Về việc xét xử vắng mặt: Nguyên đơn- bà Bùi Thị Tuyết A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn – ông Nguyễn Hùng E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự

[4] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Thị Tuyết A và ông Nguyễn Hùng E được xác lập trên cơ sở tự nguyện vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân phường T, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 288/2003, quyển số 04, ngày 22/01/2003 nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà Bùi Thị Tuyết A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hùng E với lý do: cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, ngoài ra ông E còn có mối quan hệ bất chính bên ngoài làm cho hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hay cãi vã. Vợ chồng đã sống riêng nhau khoảng 01 năm nay, không ai quan tâm đến ai.

Quá trình tố tụng Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà A và ông E tại nơi cư trú của vợ chồng nhưng không ai có thông tin gì về việc vợ chồng bà A và ông E mâu thuẫn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững dựa trên tình cảm của vợ chồng, sống có trách nhiệm, thương yêu, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau. Ông E vì có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên tình cảm vợ chồng phai nhạt, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai nên xác định tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà A và ông E không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng hôn nhân của bà A và ông E đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A về việc ly hôn với ông E.

Về con chung: Bà Bùi Thị Tuyết Anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Nguyễn Minh D sinh ngày 31/10/2002 và Nguyễn Minh H sinh ngày 07/10/2007, không yêu cầu ông E cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Từ khi vợ chồng sống riêng, cháu D và cháu H sống cùng với bà A. Các con hiện nay phát triển bình thường, khỏe mạnh, học hành đầy đủ nên chứng tỏ bà A nuôi con tốt, có trách nhiệm do vậy cần tiếp tục duy trì việc nuôi con của bà A là đảm bảo sự ổn định, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 3 Điều 228, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015

- Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Tuyết A đối với ông Nguyễn Hùng E về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Tuyết A được ly hôn với ông Nguyễn Hùng E.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Minh D sinh ngày 31/10/2002 và Nguyễn Minh H sinh ngày 07/10/2007 cho bà A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của bà A không yêu cầu ông E cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0046036 ngày 02/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Phòng Tư pháp thành phố Thuận An;
- UBND phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Huỳnh Minh Trí